

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 2024

Tháng 3 - 2024

Số : 820./NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát năm 2024

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2024 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	3.567.611	3.567.998
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.418.280	3.418.280
- Quỹ đầu tư phát triển	149.331	149.718
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 31/12/2024, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 31/12/2024, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty về cơ bản vẫn được giữ ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao, cụ thể: Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty: 766.389 triệu đồng (đạt 110,28% % kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 19.384 triệu đồng (đạt 108.03% kế hoạch).

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 là 7.246 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 1,32% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024. Mức chi trả cổ tức năm 2024 dự kiến là 1,57% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 là 9.102 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 12% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty: 1.084.960 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 230.405 triệu đồng. Mức chi cổ tức năm 2024 dự kiến 12% vốn điều lệ (chi bằng tiền) và Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ thực hiện 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức và cứ 02 quyền nhận cổ tức sẽ được nhận 01 cổ phần mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị).

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 (với Lợi nhuận sau thuế là 54 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2024.

- Ước kết quả kinh doanh năm 2024: 13.857 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 7 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đến 31/12/2024 là 110.931 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Năm 2024, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đang thực hiện các hạng mục xây dựng nhà máy.

- Ước kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu: 631 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là -3.106 triệu đồng.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Ước kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu: 42.702 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 10.825 triệu đồng.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Ước kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu: 929.748 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 121.667 triệu đồng.

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 27,76%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 344.169 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.010.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 142.482 triệu đồng (chiếm 2,42% tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 90.873 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 45.201 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn đạt 4.248.189 triệu đồng, chiếm 72,24% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định 2.854.669 triệu đồng chiếm 67,2% trong tài sản dài hạn.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 31/12/2024, nợ phải trả của Công ty là 2.238.231 triệu đồng, chiếm 38,06% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ

dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn). Tổng nợ vay dài hạn 1.505.604 triệu đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,63 lần (5.880.915 triệu đồng/2.238.231 triệu đồng)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 2,87 lần (1.632.725 triệu đồng/568.047 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,61 lần (2.238.231 triệu đồng/3.642.683 triệu đồng).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 22/04/2024, UBND thành phố có văn bản số 2201/QĐ-STC giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 31/12/2024, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 2.786.114 triệu đồng, bằng 103,08% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 2.612.977 triệu đồng.

- + Thu nhập hoạt động tài chính: 159.379 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

- + Thu nhập khác: 13.759 triệu đồng.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty đạt 103,08% kế hoạch Công ty đề ra. Bên cạnh việc điều chỉnh giá nước từ 01/01/2024 theo Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 7/7/2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, thuận lợi khách quan từ tình hình thế

giới, tỷ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể, cùng với đó trong năm Công ty thực hiện nhận nợ dự án Khu Công nghệ cao Hòa nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ công ty hạch toán thu nhập tài chính tăng đột biến đạt 82.959 triệu đồng. Năm 2024 doanh thu hoạt động nước đạt 2.579.249 triệu đồng, tương đương 99.36% kế hoạch Công ty đề ra và chiếm 93% tổng doanh thu. Nguyên nhân chính là do thời tiết mùa hè năm 2024 mát mẻ hơn, không có các đợt nắng nóng kéo dài như các năm trước nên nhu cầu sử dụng nước của người dân giảm. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh giá nước sạch trong năm cũng tác động đến ý thức sử dụng nước của khách hàng tiết kiệm hơn.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong năm 2024 Công ty đã thực hiện chi là 2.456.846 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 1.246.429 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 220.205 triệu đồng, chi phí bán hàng: 861.287 triệu đồng, chi phí tài chính: 100.037 triệu đồng, chi phí khác: 28.887 triệu đồng.

Trong năm 2024, các khoản chi phí cơ bản được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Chi phí hoạt động nước đạt 2.256.141 triệu đồng, tương đương 99.11% so với kế hoạch. Nguyên nhân doanh thu hoạt động nước giảm khiến cho các chi phí liên quan đến hoạt động SXKD nước cũng phải điều chỉnh giảm nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được giao. Để cân đối, đảm bảo chi phí chung Công ty thực hiện điều hòa, giãn hoãn một số chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, chi phí có tính chất phúc lợi cho người lao động ... Chi phí tài chính trong năm tăng 12% so với kế hoạch chủ yếu từ chi phí lãi vay do Công ty thực hiện chi trả chi phí lãi vay đối với khu công nghệ cao Hòa Lạc theo Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 02/2024/HDODA-NHPTVN ngày 17/9/2024 ký với Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 (theo đó bao gồm cả chi phí lãi vay từ thời điểm năm 2023 trở về trước).

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 329.268 triệu đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 227.961 triệu đồng, bằng 105,37 % kế hoạch.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 6,38%.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 3,88%

Đánh giá chung: mặc dù gặp nhiều khó khăn vào thời điểm đầu năm nhưng Công ty Nước sạch Hà Nội đã quyết tâm và có các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt nhiệm vụ cấp nước, kế hoạch lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận sau thuế, đảm bảo khả năng thanh toán và hoàn thành các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2024 đạt 2.786.114 triệu đồng, tương đương 103,08% kế hoạch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao, (trong đó doanh thu hoạt động nước đạt 2.579.249 triệu đồng, tương đương 99.36% kế hoạch Công ty đề ra và chiếm 93% tổng doanh thu).

Lợi nhuận trước thuế Công ty tăng 11,8% so với kế hoạch, tương ứng 34.778 triệu đồng, chủ yếu đến từ lợi nhuận hoạt động tài chính (tăng 73.303 triệu đồng so với kế hoạch) chủ yếu do ghi nhận lãi tiền gửi ngân hàng và khoản tăng đột biến doanh thu chênh lệch tỷ giá. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD nước tăng 3.819 triệu đồng so với kế hoạch do Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát chi phí trong khi doanh thu giảm so với kế hoạch.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2024 là 715.181 triệu đồng (đã bao gồm Lợi nhuận sau thuế còn lại nộp NSNN và tiền thuê đất), tăng 183,09% so với năm 2023 (Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2023 là 390.261 triệu đồng).

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2024 vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức doanh nghiệp: 598.381.992 đồng (1,5 tháng lương thực hiện).
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 73.989.255.602 đồng (3 tháng lương thực hiện)

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội tại văn bản số 164/UBND-KTTH ngày 15/01/2024 về việc thực hiện kiến nghị của Bộ Tài chính về việc chấp hành chính sách pháp luật về cổ phần hóa của UBND Thành phố Hà Nội. Ngày 12/03/2024, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội đã có văn bản số 590/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố Hà Nội và Sở Tài chính để báo cáo về nội dung trên.

4.2 Việc triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo:

Ngày 22/08/2024, Sở Tài chính có văn bản số 5083/STC-TCDN về việc rà soát, hoàn thiện Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Tài chính, Ngày 17/10/2024, Công ty đã có văn bản số 2993/NSHN-TCKT gửi Ủy ban nhân dân TP Hà Nội và Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội giai đoạn đến hết 2025 và những năm tiếp theo.

Ngày 13/02/2025, UBND Thành phố có văn bản số 481/UBND-KTTH về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước năm

2025 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 17/TB-VPCP ngày 14/01/2025;

Ngày 14/03/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 627/NSHN-TCKT gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo của Công ty Nước sạch Hà Nội theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Ngày 14/03/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 627/NSHN-TCKT gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII Cơ cấu lại Công ty Con, Công ty liên kết, Công ty đề xuất tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn góp tại Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là 96,64% vốn điều lệ để đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, cấp nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị do thành phố giao.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: Ngày 02/02/2024 Công ty đã nộp số tiền 62.967.407.411 đồng vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng, đạt tỉ lệ góp vốn là 20%. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ động theo quy định.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội: đã góp vốn 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Tại văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo, Công ty Nước sạch Hà Nội đã đề xuất cho phép tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã góp vốn 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết

năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII, Công ty đề xuất “Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố”.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ngày 05/11/2024, Sở lao động thương binh và xã hội đã ban hành văn bản số 4225/SLĐTBXH-LĐTLBHXH về việc phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của người quản lý Công ty Nước sạch Hà Nội. Theo đó kế hoạch Quỹ tiền lương thù lao của người quản lý chuyên trách là 4.641.000.000 đồng, của người quản lý không chuyên trách là 113.400.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả đến 31/12/2024 là 3.151.868.389 đồng, số còn phải trả: 1.592.310.491 đồng. Công ty sẽ báo cáo Sở Lao động thương binh và xã hội phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 theo đúng quy định.

Số tiền lương còn lại phải trả cho Người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty sẽ thực hiện sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Quỹ lương thực hiện của người lao động trong năm 2024 là: 387.697.441.516 đồng. Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (để b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC *Nc*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Ngọc Hải

Số : 820./NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát năm 2024

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Sở Tài chính Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2024 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	3.567.611	3.567.998
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.418.280	3.418.280
- Quỹ đầu tư phát triển	149.331	149.718
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 31/12/2024, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 31/12/2024, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty về cơ bản vẫn được giữ ổn định, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch được giao, cụ thể: Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty: 766.389 triệu đồng (đạt 110,28% % kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 19.384 triệu đồng (đạt 108.03% kế hoạch).

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024 là 7.246 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 1,32% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024. Mức chi trả cổ tức năm 2024 dự kiến là 1,57% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 là 9.102 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 12% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty: 1.084.960 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 230.405 triệu đồng. Mức chi cổ tức năm 2024 dự kiến 12% vốn điều lệ (chi bằng tiền) và Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ thực hiện 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức và cứ 02 quyền nhận cổ tức sẽ được nhận 01 cổ phần mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị).

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 (với Lợi nhuận sau thuế là 54 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2024.

- Ước kết quả kinh doanh năm 2024: 13.857 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 7 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng đến 31/12/2024 là 110.931 triệu đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

Năm 2024, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đang thực hiện các hạng mục xây dựng nhà máy.

- Ước kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu: 631 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là -3.106 triệu đồng.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Ước kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu: 42.702 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 10.825 triệu đồng.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Ước kết quả kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu: 929.748 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 121.667 triệu đồng.

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 27,76%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 344.169 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.010.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 142.482 triệu đồng (chiếm 2,42% tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 90.873 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 45.201 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn đạt 4.248.189 triệu đồng, chiếm 72,24% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định 2.854.669 triệu đồng chiếm 67,2% trong tài sản dài hạn.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 31/12/2024, nợ phải trả của Công ty là 2.238.231 triệu đồng, chiếm 38,06% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ

dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn). Tổng nợ vay dài hạn 1.505.604 triệu đồng.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,63 lần (5.880.915 triệu đồng/2.238.231 triệu đồng)

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 2,87 lần (1.632.725 triệu đồng/568.047 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,61 lần (2.238.231 triệu đồng/3.642.683 triệu đồng).

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 22/04/2024, UBND thành phố có văn bản số 2201/QĐ-STC giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 31/12/2024, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 2.786.114 triệu đồng, bằng 103,08% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 2.612.977 triệu đồng.

- + Thu nhập hoạt động tài chính: 159.379 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

- + Thu nhập khác: 13.759 triệu đồng.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

Tổng doanh thu năm 2024 của Công ty đạt 103,08% kế hoạch Công ty đề ra. Bên cạnh việc điều chỉnh giá nước từ 01/01/2024 theo Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 7/7/2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, thuận lợi khách quan từ tình hình thế

giới, tỷ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể, cùng với đó trong năm Công ty thực hiện nhận nợ dự án Khu Công nghệ cao Hòa nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ công ty hạch toán thu nhập tài chính tăng đột biến đạt 82.959 triệu đồng. Năm 2024 doanh thu hoạt động nước đạt 2.579.249 triệu đồng, tương đương 99.36% kế hoạch Công ty đề ra và chiếm 93% tổng doanh thu. Nguyên nhân chính là do thời tiết mùa hè năm 2024 mát mẻ hơn, không có các đợt nắng nóng kéo dài như các năm trước nên nhu cầu sử dụng nước của người dân giảm. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh giá nước sạch trong năm cũng tác động đến ý thức sử dụng nước của khách hàng tiết kiệm hơn.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong năm 2024 Công ty đã thực hiện chi là 2.456.846 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 1.246.429 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 220.205 triệu đồng, chi phí bán hàng: 861.287 triệu đồng, chi phí tài chính: 100.037 triệu đồng, chi phí khác: 28.887 triệu đồng.

Trong năm 2024, các khoản chi phí cơ bản được quản lý chặt chẽ, hợp lý. Chi phí hoạt động nước đạt 2.256.141 triệu đồng, tương đương 99.11% so với kế hoạch. Nguyên nhân doanh thu hoạt động nước giảm khiến cho các chi phí liên quan đến hoạt động SXKD nước cũng phải điều chỉnh giảm nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được giao. Để cân đối, đảm bảo chi phí chung Công ty thực hiện điều hòa, giãn hoãn một số chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, chi phí có tính chất phúc lợi cho người lao động ... Chi phí tài chính trong năm tăng 12% so với kế hoạch chủ yếu từ chi phí lãi vay do Công ty thực hiện chi trả chi phí lãi vay đối với khu công nghệ cao Hòa Lạc theo Hợp đồng cho vay lại vốn nước ngoài số 02/2024/HDODA-NHPTVN ngày 17/9/2024 ký với Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 (theo đó bao gồm cả chi phí lãi vay từ thời điểm năm 2023 trở về trước).

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 329.268 triệu đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 227.961 triệu đồng, bằng 105,37 % kế hoạch.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 6,38%.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 3,88%

Đánh giá chung: mặc dù gặp nhiều khó khăn vào thời điểm đầu năm nhưng Công ty Nước sạch Hà Nội đã quyết tâm và có các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt nhiệm vụ cấp nước, kế hoạch lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận sau thuế, đảm bảo khả năng thanh toán và hoàn thành các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2024 đạt 2.786.114 triệu đồng, tương đương 103,08% kế hoạch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao, (trong đó doanh thu hoạt động nước đạt 2.579.249 triệu đồng, tương đương 99.36% kế hoạch Công ty đề ra và chiếm 93% tổng doanh thu).

Lợi nhuận trước thuế Công ty tăng 11,8% so với kế hoạch, tương ứng 34.778 triệu đồng, chủ yếu đến từ lợi nhuận hoạt động tài chính (tăng 73.303 triệu đồng so với kế hoạch) chủ yếu do ghi nhận lãi tiền gửi ngân hàng và khoản tăng đột biến doanh thu chênh lệch tỷ giá. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD nước tăng 3.819 triệu đồng so với kế hoạch do Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát chi phí trong khi doanh thu giảm so với kế hoạch.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2024 là 715.181 triệu đồng (đã bao gồm Lợi nhuận sau thuế còn lại nộp NSNN và tiền thuê đất), tăng 183,09% so với năm 2023 (Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2023 là 390.261 triệu đồng).

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2024 vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức doanh nghiệp: 598.381.992 đồng (1,5 tháng lương thực hiện).
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 73.989.255.602 đồng (3 tháng lương thực hiện)

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội tại văn bản số 164/UBND-KTTH ngày 15/01/2024 về việc thực hiện kiến nghị của Bộ Tài chính về việc chấp hành chính sách pháp luật về cổ phần hóa của UBND Thành phố Hà Nội. Ngày 12/03/2024, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội đã có văn bản số 590/NSHN-TCKT gửi UBND Thành phố Hà Nội và Sở Tài chính để báo cáo về nội dung trên.

4.2 Việc triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo:

Ngày 22/08/2024, Sở Tài chính có văn bản số 5083/STC-TCDN về việc rà soát, hoàn thiện Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Tài chính, Ngày 17/10/2024, Công ty đã có văn bản số 2993/NSHN-TCKT gửi Ủy ban nhân dân TP Hà Nội và Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội giai đoạn đến hết 2025 và những năm tiếp theo.

Ngày 13/02/2025, UBND Thành phố có văn bản số 481/UBND-KTTH về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước năm

2025 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 17/TB-VPCP ngày 14/01/2025;

Ngày 14/03/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 627/NSHN-TCKT gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo của Công ty Nước sạch Hà Nội theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Ngày 14/03/2025, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có công văn số 627/NSHN-TCKT gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII Cơ cấu lại Công ty Con, Công ty liên kết, Công ty đề xuất tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn góp tại Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là 96,64% vốn điều lệ để đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, cấp nước, thực hiện nhiệm vụ chính trị do thành phố giao.

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: Ngày 02/02/2024 Công ty đã nộp số tiền 62.967.407.411 đồng vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng, đạt tỉ lệ góp vốn là 20%. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ động theo quy định.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội: đã góp vốn 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Tại văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết năm 2025 và những năm tiếp theo, Công ty Nước sạch Hà Nội đã đề xuất cho phép tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội.

Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội sẽ căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã góp vốn 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo nội dung văn bản số 627/NSHN-TCKT ngày 14/03/2025 gửi UBND thành phố Hà Nội, Sở Tài chính về việc báo cáo Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn đến hết

năm 2025 và những năm tiếp theo; trong đó, tại Phần IV, mục VII, Công ty đề xuất “Thành phố xem xét cho phép Công ty tăng tỷ lệ vốn góp lên mức 36-51% vốn điều lệ (nếu đủ điều kiện), để tạo thuận lợi cho công tác ổn định hoạt động sản xuất, an ninh nguồn nước cho thành phố”.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ngày 05/11/2024, Sở lao động thương binh và xã hội đã ban hành văn bản số 4225/SLĐTBXH-LĐTLBHXH về việc phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của người quản lý Công ty Nước sạch Hà Nội. Theo đó kế hoạch Quỹ tiền lương thù lao của người quản lý chuyên trách là 4.641.000.000 đồng, của người quản lý không chuyên trách là 113.400.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả đến 31/12/2024 là 3.151.868.389 đồng, số còn phải trả: 1.592.310.491 đồng. Công ty sẽ báo cáo Sở Lao động thương binh và xã hội phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 theo đúng quy định.

Số tiền lương còn lại phải trả cho Người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty sẽ thực hiện sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Quỹ lương thực hiện của người lao động trong năm 2024 là: 387.697.441.516 đồng. Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (đề b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC *NC*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Ngọc Hải

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2024			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2024			Giải ngân năm 2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			A	B	C	KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số giải ngân năm 2024	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024	
	TỔNG CỘNG							3,107,450	1,631,286		1,476,164			146,398			41,881	480,644	522,525	5,619	516,906	522,525	368,461
I	Các dự án nguồn							230,600	230,600		-			-			179	33,974	34,153	400	33,753	34,153	30,771
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																						
1	Khoan thay thế các giếng YPH32, YPH34 NMN Yên Phụ	Khoan thay thế giếng				x	3552/NSHN-CTCN ngày 16/12/2023	8,839	8,839	100%		0%	2023-2024					6,792	6,792		6,792	6,792	6,466
2	Khoan thay thế các giếng YPH25, YPH29 NMN Yên Phụ	Khoan thay thế giếng				x	3021/NSHN-CTCN ngày 08/11/2023	9,784	9,784	100%		0%	2023-2024					6,255	6,255		6,255	6,255	5,941
3	Khoan thay thế các giếng NSLH17, NSLH31 NMN Ngõ Sỹ Liên	Khoan thay thế giếng				x	2933/NSHN-CTCN ngày 30/10/2023	11,453	11,453	100%		0%	2023-2024					8,412	8,412		8,412	8,412	8,011
4	Khoan thay thế 02 giếng Cáo Đình H12, H13	Khoan thay thế giếng				x		8,000	8,000	100%		0%	2024						-			-	
5	Khoan thay thế 02 giếng Mai Dịch MDH2, TC1	Khoan thay thế giếng				x		8,000	8,000	100%		0%	2024						-			-	
6	Cải tạo nhà Clo và xây mới nhà hóa chất, thay thế máy ép bùn cho NMN Yên Phụ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	1041/NSHN-CTCN ngày 06/05/2023	15,573	15,573	100%	-	0%	2024				179	10,981	11,160	400	10,760	11,160	10,353
7	Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo cho NMN Ngọc Hà	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x		24,000	24,000	100%	-	0%	2024				-	262	262		262	262	
8	Cải tạo hệ thống xử lý thu hồi nước rửa lọc và hệ thống Clo NMN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x		24,000	24,000	100%	-	0%	2024						-			-	
9	Cải tạo HT xử lý thu hồi nước rửa lọc NMN Ngõ sỹ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	Số 3164/NSHN-CTCN ngày 11/12/2021	9,091	9,091	100%	-	0%	2024					305	305		305	305	
10	Cải tạo hệ thống Clo nhà máy nước Mai Dịch	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x		8,354	8,354	100%		0%	2024					312	312		312	312	
11	Cải tạo bể chứa Trạm Giảng Võ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x		5,455	5,455	100%	-	0%	2024						-			-	
12	Nâng công suất NMN Bắc Thăng Long lên 300.000m3/ngđ theo quy hoạch	Nâng công suất NMN	x					-	-				2024-2026					146	146		146	146	
13	Di chuyển TBA T4 (Vân Đồn) và hạ ngầm tuyến cáp điện giếng H15, H16, H17 - NMN Lương Yên	Khoan thay thế giếng				x		1,500	1,500	100%		0%	2024						-			-	
14	Khoan thay thế 01 giếng YP31 NMN Yên Phụ. Năm khai thác 1995	Khoan thay thế giếng				x		4,000	4,000	100%		0%	2024						-			-	
15	Khoan thay thế 02 giếng NMN Cáo Đình: CD12 và CD13	Khoan thay thế giếng				x		8,000	8,000	100%		0%	2024						-			-	
16	Cải tạo, thay thế sửa chữa cụm van V2, bổ sung bộ đo độ đục của NMN Yên Phụ và NMN Ngọc Hà	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x		10,000	10,000	100%		0%	2024					393	393		393	393	

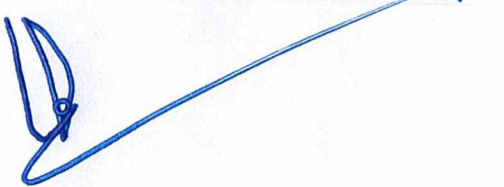
STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2024			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2024			Giải ngân năm 2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số giải ngân năm 2024	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024					
																			A	B	C	KT KT	
17	Cải tạo, thay thế các tuyến ống nước thô, hồ ga, van chặn NMN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước																					
18	Lắp đặt đầu nối đường ống từ bể chứa giai đoạn II về nhà bơm II tách riêng 2 bể chứa Nhà máy nước Cáo Đình	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			x	3767/QĐ-NSHN-CTCN ngày 23/12/2024	14,551	14,551	100%		0%	2024					116	116		116	116		
19	Khoan thay thế 03 giếng NMN Mai Dịch: MDH3B, TC9 và MDH4B	Khoan thay thế giếng			x		12,000	12,000	100%		0%	2024						-				-	
20	Cải tạo hạ ngầm đường dây trung thế NMN Nam Dư	Cải tạo dây chuyền xử lý nước			x		48,000	48,000	100%		0%	2024-2025						-				-	
II	Các dự án Cải tạo chống TTTT						843,570	417,156		426,414			67,488				41,702	328,979	370,681	5,219	365,462	370,681	337,690
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																						
1	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1C - Cầu Giấy	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	QB 587/NSHN-CTCN ngày 18/3/2023	57,584	29,192	51%	28,392	49%	2022-2023	17,152	10	Thả nổi	389	51,220	51,609	922	50,687	51,609	48,361	
2	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1D - Cầu Giấy	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	QB 3219/NSHN-CTCN ngày 16/12/2022	73,828	35,358	48%	38,470	52%	2022-2023	21,059	10	Thả nổi	38,491	29,672	68,163	1,066	67,097	68,163	63,645	
3	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô19A - Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	QB 1997/NSHN-CTCN ngày 11/8/2022	107,954	55,967	52%	51,987	48%	2022-2023	9,479	10	Thả nổi	2,822	96,440	99,262	2,753	96,509	99,262	92,909	
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô28 - Hai Bà Trưng	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	340/NSHN-CTCN ngày 14/02/2023	68,398	34,199	50%	34,199	50%	2022-2023					61,039	61,039	171	60,868	61,039	57,293	
5	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô17 - Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	1881/NSHN-CTCN ngày 28/07/2023	75,740	37,870	50%	37,870	50%	2022-2023					42,132	42,132	160	41,972	42,132	63,894	
6	Cải tạo MLCN và chống TTTT KV Ô 1B XN Cầu Giấy	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		106,758	53,242	50%	53,516	50%	2023-2024					194	194		194	194		
8	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô2 - Cầu Giấy	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		68,691	30,911	45%	37,780	55%	2023-2024					428	428		428	428		
9	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 2 Ô9C - Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		45,983	20,692	45%	25,291	55%	2023-2024					615	615		615	615		
10	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu Ô16B - Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	463/QĐ-NSHN-CTCN ngày 29/02/2024	63,769	32,581	51%	31,188	49%	2023-2024	19,798				34,261	34,261		34,261	34,261		
11	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 2 Ô9B (Phần thấp tầng) - Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		20,391	20,391	100%		0%	2023-2024					12,391	12,391	147	12,244	12,391	11,588	
11	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 2 Ô9B (Phần cao tầng) - Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		5,100	5,100	100%		0%	2024-2025						-				-	
12	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô18 - Xí nghiệp Đống Đa	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		41,027	14,359	35%	26,668	65%	2024-2025						-				-	
13	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1A - Xí nghiệp Cầu Giấy	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		69,293	24,253	35%	45,040	65%	2024-2025						-				-	
14	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu DMA Phú Thượng GD1 KV Ô5EF - Xí nghiệp Cầu Giấy	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		-		#DIV/0!		#DIV/0!	2024-2025						-				-	

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2024			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2024			Giải ngân năm 2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
								Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số giải ngân năm 2024	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024	
			A	B	C	KT KT																	
15	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA1+2 - Ô19.2 - Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	2798/NSHN-CTCN ngày 30/09/2024	31,969	15,956	50%	16,013	50%	2024-2025					415	415		415	415		
16	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA3 và khu cao tầng C2 - Ô19C2 - Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		-					2024-2025						-				-	
17	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA3 - Ô19C2A Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		-					2024-2025					89	89		89	89		
18	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô9C2B.2, 19C2B.3 - Ô19C2B - Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		-					2024-2025						-				-	
19	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19E1 - Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x		-					2024-2025						-				-	
20	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19E2- Xí nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu			x	3768/QĐ-NSHN-CTCN ngày 23/12/2024	7,085	7,085	100%		0%	2024-2025					83	83		83	83		
III	Các dự án phát triển MLCN và cấu trúc mạng						2,001,280	951,530		1,049,750		6,072	78,910			-	117,691	117,691	-	117,691	117,691	-	
B	Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																						
1	XD mạng lưới cấp nước cho các xã Bình Yên, Hạ Bằng, Tân Xã và một phần xã Thạch Hòa huyện Thạch Thất (Gđ I)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng		x			192,000	67,200	35%	124,800	65%	2024	33,525	15	Thả nổi		48,185	48,185		48,185	48,185		
2	XD mạng lưới cấp nước cho các xã Nhị Khê, Duyên Thái, Ninh Sở, Khánh Hà, Hòa Bình, huyện Thường Tín (Gđ I)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng		x			255,000	89,250	35%	165,750	65%	2024	45,385	15	Thả nổi		63,949	63,949		63,949	63,949		
3	XD mạng lưới cấp nước cho 3 xã Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung và một phần còn lại của xã Thạch Hòa - huyện Thạch Thất (Gđ II)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng		x			184,000	64,400	35%	119,600	65%	2024-2025					1,137	1,137		1,137	1,137		
4	XD mạng lưới cấp nước cho khu vực 16 xã còn lại, tiếp nhận trạm cấp nước Hồng Vân và hoàn thiện mạng lưới cấp nước chi 5 xã (Hồng Vân, Thụ Phú,Vân Tảo, Liên Phương, Hà Hồi) huyện Thường Tín (Gđ II)	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng		x			984,000	344,400	35%	639,600	65%	2024-2025						-				-	
5	Cấp nước cho các hộ còn lại xã Ngũ Hiệp, Ngọc Hồi, Liên Ninh XD tuyến ống DN225, DN160 bổ sung nguồn nước cho Ô TT2, TT3, TT5 huyện Thanh Trì	XD mới tuyến ống, phát triển MLCN và khách hàng			x	2950/NSHN-CTCN ngày 31/10/2023	14,900	14,900	100%		0%	2024					3,370	3,370		3,370	3,370		
6	XD hoàn thiện tuyến ống truyền dẫn DN600 trên đường Vành đai II theo Quy hoạch (Giai đoạn 1- Từ cầu Trung Hòa đến cầu Nhật Tân)	Cầu trục MLCN nội đô		x			183,000	183,000	100%		0%	2024-2025					1,050	1,050		1,050	1,050		
7	Xây dựng các tuyến truyền dẫn theo quy hoạch để tiếp nhận nguồn nước mặt sông Hồng	Cầu trục MLCN nội đô			x		30,000	30,000	100%		0%	2024-2025						-				-	

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động 2024			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2024			Giải ngân năm 2024			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C		KT KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số giải ngân năm 2024	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024	Đến 31/12/2024	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện năm 2024		Đến 31/12/2024
8	XD tuyến ống cấp nước DN400 theo quy hoạch cấp nước cho khu vực xã Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm	Cầu trúc MLCN nội đô			x		27,600	27,600	100%		0%	2024-2025							-			-	
9	Bổ sung tuyến ống gang D300 phố Chùa Láng kết nối tuyến ống D400 đường Nguyễn Chí Thanh và tuyến ống D300 đường Láng	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x		19,000	19,000	100%		0%	2024-2025							-			-	
10	Lắp đặt thay thế tuyến ống Ngõ Sý Liên - Lê Duẩn đã bị cũ hỏng DN600	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x		23,100	23,100	100%		0%	2024-2025							-			-	
11	Xây dựng tuyến ống truyền dẫn cấp nước D900 theo quy hoạch cấp nước cho Thành phố Thông minh từ NMN Bắc Thăng Long	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x		75,000	75,000	100%		0%	2024-2025							-			-	
12	Bổ sung tuyến ống D300 gang phố Văn Cao, kết nối mạng vòng từ tuyến D600 Liễu Giai đến tuyến ống D300 Thụy Khuê	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn				x	13,680	13,680	100%		0%	2024-2025							-			-	
IV	Các dự án khác						32,000	32,000		-			-			-	-	-	-	-	-	-	-
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																						
1	Cải tạo NMN Pháp Vân thành trạm bơm tăng áp theo Quy hoạch và Xây dựng trụ sở điều hành Xi nghiệp KDNS Hoàng Mai				x		15,000	15,000	100%	-	0%	2024-2024							-			-	
2	Quy hoạch xây dựng Khu VP làm việc và điều hành cấp nước - khu liên cơ: XN KDNS Cầu Giấy + XN Đồng Hồ + Làng quốc tế Mai Dịch				x		15,000	15,000	100%	-	0%	2024-2024							-			-	
3	Xây dựng và lắp đặt hệ thống thu hồi nước rửa lọc NMN Tương Mai (chỉ phí đền bù GPMB)				x		2,000	2,000	100%	-	0%	2024-2024							-			-	

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp


CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH
HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Ngọc Hải

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC 


BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 31/12/2024	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/23	Tại thời điểm 31/12/24	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/23	Tại thời điểm 31/12/24										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548.914	548.914		96,64%	96,64%	568.000	568.000	582.445	766.389	15.013	19.384	7.246	1,32%	> 1	1,71
II	Công ty liên kết																
1	CTCP Viwaco		19.655	19.655		23,70%	23,70%	320.000	320.000	850.247	1.084.960	108.225	230.405	9.102	12,0%	> 1	1,25
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2.000	2.000		20,00%	20,00%	10.000	10.000	18.789	13.857	20	7			>1	1,00
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		47.964	110.931		8,65%	20,00%	580.643	580.643	422	631	(2.857)	(3.106)				5,29
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59.340	59.340		30,00%	30,00%	197.800	197.800	37.071	42.702	7.799	10.825	3.000	5,06%	>1	2,20
III	Đầu tư tài chính		1.424.961	1.109.961	-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99.961	99.961		10,00%	10,00%	999.611	999.611	788.664	929.748	(28.629)	121.667			<1	3,88
2	Đầu tư tài chính khác		1.325.000	1.010.000													

Ghi chú:
Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư
Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 12/2024, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định.

Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

Đối với khoản đầu tư góp 20% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Hồng: đến thời điểm hiện tại, Công ty Sông Hồng vẫn đang trong quá trình thực hiện triển khai dự án, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang lỗ lũy kế. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty còn đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngắn hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Ngọc Hải

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2023	Cùng kỳ năm 2024	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	225.699.923	240.008.743	245.319.366	241.372.263	106,94%	100,57%	98,39%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	195.837.350	212.286.086	213.318.980	214.760.294	109,66%	101,17%	100,68%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.685.635	2.062.507	2.626.994	2.612.976	155,01%	126,69%	99,47%
2. Giá vốn hàng bán	810.689	1.022.791	1.172.697	1.246.429	153,75%	121,87%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	874.946	1.039.716	1.454.297	1.366.547	156,19%	131,43%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	75.783	107.383	76.000	159.379	210,31%	148,42%	209,71%
5. Chi phí tài chính	90.449	83.730	89.961	100.037	110,60%	119,48%	
6. Chi phí bán hàng	580.247	717.764	831.203	861.287	148,43%	120,00%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	91.012	117.642	314.643	220.205	241,95%	187,18%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	189.021	227.963	294.490	344.397	182,20%	151,08%	
9. Thu nhập khác	1.623	23.251		13.758	847,69%	59,17%	
10. Chi phí khác	3.176	778		28.886	909,51%	3712,85%	
11. Lợi nhuận khác	-1.553	22.473		-15.128	974,11%	-67,32%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2023	Cùng kỳ năm 2024	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	187.468	250.436	294.490	329.268	175,64%	131,48%	111,81%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.488	49.988	78.148	101.307	270,24%	202,66%	129,63%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	149.979	200.448	216.342	227.961	152,00%	113,73%	105,37%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Ngọc Hải

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
- Thuế GTGT	(98.603.550)	1.494.389.449	1.273.332.356	122.453.543
- Thuế TNDN	2.225.666.025	101.307.035.558	101.377.641.977	2.155.059.606
- Thuế đất	(1.598.309.196)	124.003.022.276	122.405.024.612	(311.532)
- Thuế Tài nguyên	5.279.814.800	56.752.287.600	57.333.459.600	4.698.642.800
- Thuế Thu nhập cá nhân	43.100.740	12.166.572.455	11.209.644.146	1.000.029.049
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	87.182.792.780	225.019.472.345	290.815.322.448	21.386.942.677
- Các khoản phải nộp khác	4.420.208.495	88.128.000	315.792.000	4.192.544.495
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định			130.440.052.806	

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

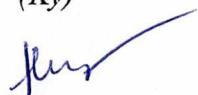
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	149.330.592.475	387.917.256		149.718.509.731
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	24.719.473.391	73.989.255.602	71.049.742.913	27.658.986.080
3. Quỹ thưởng VCQLDN	424.462.194	598.381.992	1.022.844.186	-
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	115.780.000.000	50.000.000.000	1.200.000.000	164.580.000.000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Ngọc Hải

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DNNN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2024

Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Loại hình DN		Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3						Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5		Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý			Xếp loại hoạt động viên chức quản lý doanh nghiệp			Xếp loại doanh nghiệp 2024
		DN 100% vốn NN	CTCP trên 50% vốn NN	Doanh thu và thu nhập khác (tr.đồng)			Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)		Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Tình hình chấp hành pháp luật hiện hành	Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích								
				Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Xếp loại	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024		Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	TSNH (tr.đồng)			Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NN H (lần)	Xếp loại	Xếp loại	Thực hiện tốt	Không thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc NV	Hoàn thành NV	Không hoàn thành NV	
Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con																												
CT TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (CT mẹ)	UBND Thành phố Hà Nội	X		2 702 995	2 786 114	A	216 342	227 961	3 612 711	3 575 074	5,99%	6,38%	A	1 632 725	568 047	2,87	0	A	A	A	X		X					A

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu) 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Ngọc Hải

